

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2022/DS-PT
Ngày: 07/9/2022
V/v Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Ông Lâm Thuận Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 141/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2022/DS-ST, ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 151/2022/QĐXXPT-DS ngày 09 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP PD; Trụ sở chính: Số 45, đường D, phường N, Quận M, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Mỹ X - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh G, kiêm nhiệm Giám đốc RB.

Bà Trần Thị Mỹ X ủy quyền lại cho ông Đỗ Duy K, sinh năm 1978, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ – RB (XLN); địa chỉ: Số 54, THĐ, phường B, Thành phố X, tỉnh G (theo văn bản ủy quyền số 30/2021/GUQ-CNAG ngày 10/11/2021).

2. *Bị đơn*: Ông Lê Văn D , sinh năm: 1962 và bà Trần Thị M , sinh năm: 1962; cùng nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện C, tỉnh G.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M : Ông Lê Văn D , sinh năm 1962, (theo giấy ủy quyền ngày 02/3/2020).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Văn K1 là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hồng Hà thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh G.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Lê Thanh L, sinh năm 1988;

3.2. Bà Lâm Thị Bích T, sinh năm 1993;

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện C, tỉnh G.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Luân và bà Thủy: Ông Lê Văn D , sinh năm 1962 (theo giấy ủy quyền ngày 02/3/2020).

Người kháng cáo: Ông Lê Văn D

(Ông K , Ông D , Ông K1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng TMCP PD do ông Đỗ Duy K đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Lê Văn D và bà Trần Thị M đã ký hợp đồng tín dụng số 0116/2017/HĐTD-CN ngày 07/4/2017 để vay vốn tại Ngân hàng TMCP PD - Phòng giao dịch Thoại Sơn với số tiền vay là 290.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 08/04/2017 đến ngày trả nợ 08/04/2018, mục đích vay để bổ sung vốn chăn nuôi bò. Lãi trả định kỳ vào ngày 16 hàng tháng, trả nợ gốc cuối kỳ vào ngày 08/04/2018. Lãi suất trong hạn 13,8%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng trên thì Ông D , bà M có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 0046/2016/BĐ ngày 17/3/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0116/2017/SĐBS-HĐBĐ ngày 07/4/2017 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 416m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 50, 52 tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05598/QSĐĐ/iG ngày 09/7/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp cho hộ ông Lê Văn D . Trong quá trình vay thì Ông D , bà M chỉ trả lãi đến ngày 16/01/2018 là 26.896.665 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP PD yêu cầu ông Lê Văn D , bà Trần Thị M phải trả cho Ngân hàng tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 7/6/2022 là 521.702.235 đồng trong đó nợ gốc là 290.000.000 đồng, lãi 231.702.235 đồng; trong đó: Lãi trong hạn 10.543.220 đồng; lãi quá hạn gốc 213.193.500 đồng; lãi phạt chậm trả 7.965.515 đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng TMCP PD yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 0116/2017/HĐTD-CN ngày 07/4/2017 đã ký cho đến khi Ông D ,

bà M thanh toán xong toàn bộ số nợ, yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 0046/2016/BĐ ngày 17/3/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0116/2017/SĐBS-HĐBĐ ngày 07/4/2017 đã ký giữa Ngân hàng TMCP PD với ông Lê Văn D , bà Trần Thị M , ông Lê Thanh L, bà Lâm Thị Bích T để đảm bảo thi hành án.

Nếu Ông D và bà M không trả nợ cho ngân hàng thì ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật theo hợp đồng thế chấp đã ký ngày 17/3/2016. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết nợ thì Ông D , bà M phải thanh toán tiếp cho đến khi hết nợ.

Khi Ông D , bà M trả nợ xong cho ngân hàng thì ngân hàng sẽ trả lại tài sản đã thế chấp.

Tại văn bản có ý kiến ngày 03/2/2020 và các biên bản hòa giải bị đơn ông Lê Văn D trình bày:

Ông xác định không có ký Hợp đồng tín dụng 0116/2017/HĐTD-CN ngày 07/4/2017. Ông xác định có ký Hợp đồng tín dụng số 0046/2016/HĐTD-CN ngày 17/3/2016 để vay số tiền 190.000.000 đồng đến ngày 08/4/2017 ông đã tất toán Hợp đồng này xong, thì ông Nguyễn Trung Tín và ông Nguyễn Duy hứa cho ông vay tiền sẽ không lấy tiền còn nên ông đồng ý. Ông có trả lãi là 11.600.000 đồng, ông Tín, ông Vũ và ông Duy có nhờ ông vay giúp 50.000.000 đồng, vay chung với số tiền vay của ông, có làm biên nhận. Và ông Tín, ông Vũ và ông Duy trừ ngang tiền đứng 50.000.000 đồng và tiền còn là 18.000.000 đồng nên ông chỉ thực nhận 110.000.000 đồng. Ông thống nhất có nhận tiền và cam kết trả nợ số tiền thực vay là 110.000.000 đồng và đồng ý trả 110.000.000 đồng và lãi phát sinh chứ không đồng ý trả 290.000.000 đồng và lãi phát sinh như ngân hàng trình bày. Ông xin rút lại yêu cầu phản tố không yêu cầu Ngân hàng TMCP PD – Phòng giao dịch huyện Thoại Sơn, ông Nguyễn Duy trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng và lãi từ ngày 08/4/2016 lãi suất là 5%/tháng; không yêu cầu Ngân hàng TMCP PD – Chi nhánh huyện Thoại Sơn, ông Nguyễn Duy, ông Nguyễn Trung Tín trả cho ông số tiền 18.000.000 đồng. Yêu cầu ngân hàng cung cấp bản chính hồ sơ vay 290.000.000 đồng và hồ sơ năm 2016 ông đã trả nợ 190.000.000 đồng để ông yêu cầu giám định lại ở cấp cao hơn. Ông không đồng ý với kết quả giám định lần thứ nhất, đề nghị giám định lại lần thứ hai đối với hợp đồng vay 290.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2022/DS-ST, ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP PD. Buộc ông Lê Văn D , bà Trần Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP PD số tiền 521.702.235đ (Năm trăm hai mươi một triệu bảy trăm lẻ hai nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/6/2022) ông Lê Văn D , bà Trần Thị M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 0046/2016/BĐ ngày 17/3/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0116/2017/SĐBS-HĐBĐ ngày 07/4/2017 đã ký giữa Ngân

hàng TMCP PD với ông Lê Văn D , bà Trần Thị M , tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 416m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 50, 52 tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05598QSDĐ/iG ngày 09/7/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp cho hộ ông Lê Văn D để đảm bảo thi hành án.

Ngân hàng TMCP PD trả lại tài sản đã thế chấp cho ông Lê Văn D , bà Trần Thị M , khi Ông D , bà M trả xong nợ.

-Về chi phí giám định:

Ông Lê Văn D , bà Trần Thị M phải chịu toàn bộ chi phí giám định, cụ thể như sau:

Chi phí giám định lần 01: 3.060.000 đ (ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng). Ông Lê Văn D , bà Trần Thị M đã nộp xong.

Chi phí giám định lần 02: 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng); ông Lê Văn D , bà Trần Thị M đã nộp tạm ứng chi phí giám định 10.000.000đ (mười triệu đồng). Như vậy, ông Lê Văn D , bà Trần Thị M được nhận lại 6.900.000đ (sáu triệu chín trăm nghìn đồng) chi phí giám định còn lại tại Chi cục Thi hành án huyện Châu thành, tỉnh An Giang.

- Về án phí:

Ông Lê Văn D , bà Trần Thị M phải chịu 24.868.000đ (hai mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP PD được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.367.000đ (chín triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006618 ngày 13/12/2019 của chi cục thi hành án huyện Châu Thành.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ chậm thi hành án.

Ngày 25/6/2022, ông Lê Văn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại thủ tục tố tụng và nội dung, Ông D bà M không vay, không ký tên, không nhận tiền của khoản vay 290.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật, thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng nghị án bản án.

- Về hướng đề xuất giải quyết vụ án:

Ông Lê Văn D , bà Trần Thị M có ký tên vào Hợp đồng tín dụng 0116/2017/HĐTD-CN ngày 07/4/2017 do ông bà không thừa nhận có ký tên. Sau

khi có kết luận giám định số 15/KLGD-PC09(TL) ngày 7/4/2020 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang Kết luận: “*Chữ ký và chữ viết tên Lê Văn D và Trần Thị M trên hợp đồng tín dụng số 0116/2017/HĐTD-CN ngày 07/4/2017 là của Ông D, bà M ký và viết ra*”. Sau khi có kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang Ông D vẫn không đồng ý và yêu cầu giám định lại ở cấp cao hơn. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tiếp tục thực hiện các thủ tục giám định gửi đến phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và tại kết luận giám định số 2775/CO9B ngày 7/7/2021 của viện khoa học hình sự - Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “*chữ ký và chữ viết mang tên Lê Văn D và Trần Thị M dưới mục “Đại diện bên vay” là của Ông D, bà M ký và viết ra*”. Như vậy qua 2 cấp giám định đều xác định Ông D và bà M là người trực tiếp ký vào hợp đồng tín dụng 0116/2017/HĐTD-CN ngày 07/4/2017. Ngoài ra, Ông D, bà M cũng đã ký tên, ghi họ tên vào Khế ước nhận nợ- khách hàng cá nhân ngày 08/4/2017 nhận nợ số tiền 290.000.000đ cho Hợp đồng tín dụng số: 0116/2017/HĐTD-CN ngày 07/4/2017, có chữ ký tên và chữ viết ghi đầy đủ họ tên người nhận tiền: Trần Thị M, Lê Văn D, kèm theo là Giấy lĩnh tiền ngày 08/4/2017 thể hiện người lĩnh tiền ông Lê Văn D và Bảng kê VNĐ phần ký tên khách hàng có chữ ký tên và họ tên của ông Lê Văn D nên có căn cứ xác định Ông D, bà M đã có vay 290.000.000đ, về lãi suất và hợp đồng chế chấp cấp sơ thẩm đã xét xử đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc phúc không chấp nhận kháng cáo của Ông D, áp dụng dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Về thủ tục kháng cáo: ông Lê Văn D kháng cáo trong hạn và có nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo phúc thẩm đúng quy định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo theo trình tự phúc thẩm. Nguyên đơn không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An giang và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1 Ông D chỉ thừa nhận có ký Hợp đồng tín dụng số 0046/2016/HĐTD-CN ngày 17/3/2016 để vay số tiền 190.000.000 đồng, ông xác nhận có nhận tiền và cam kết trả nợ số tiền thực vay là 110.000.000 đồng và đồng ý trả gốc, lãi. Về số tiền 290.000.000 đồng và lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng 0116/2017/HĐTD-CN ngày 07/4/2017 theo yêu cầu của Ngân hàng thì ông không thừa nhận vì ông và vợ ông không ký tên hợp đồng và không nhận tiền. Do ông không thừa nhận chữ ký tên, chữ viết họ tên nên cấp sơ thẩm trưng cầu giám định chữ ký. Tại kết luận giám định số 15/KLGD-PC09(TL) ngày 7/4/2020 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang Kết luận: “*Chữ ký và chữ viết tên Lê Văn D và Trần Thị M trên hợp đồng tín dụng số 0116/2017/HĐTD-CN ngày 07/4/2017 là của Ông D, bà M ký và viết ra*”. Sau khi có kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh

An Giang Ông D vẫn không đồng ý và yêu cầu giám định lại ở cấp cao hơn. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tiếp tục thực hiện các thủ tục giám định gửi đến phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và tại kết luận giám định số 2775/CO9B ngày 7/7/2021 của viện khoa học hình sự - Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “*chữ ký và chữ viết mang tên Lê Văn D và Trần Thị M dưới mục “Đại diện bên vay” là của Ông D, bà M ký và viết ra*”. Như vậy qua 2 cấp giám định đều xác định Ông D và bà M là người trực tiếp ký vào hợp đồng tín dụng 0116/2017/HĐTD-CN ngày 07/4/2017.

2.2 Ngân hàng cung cấp Khế ước nhận nợ- khách hàng cá nhân ngày 08/4/2017 nhận nợ số tiền 290.000.000 đồng cho Hợp đồng tín dụng số: 0116/2017/HĐTD-CN ngày 07/4/2017 có chữ ký tên và chữ viết ghi đầy đủ họ tên người nhận tiền: Trần Thị M, Lê Văn D, kèm theo là Giấy lĩnh tiền ngày 08/4/2017 thể hiện người lĩnh tiền ông Lê Văn D và Bảng kê VNĐ phân ký tên khách hàng có chữ ký tên và họ tên của ông Lê Văn D.

Từ những tài liệu chứng cứ tại mục 2.1 và 2.2 có đủ căn cứ xác định thực tế Ông D, bà M có vay số tiền và đã nhận 290.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP PD tại hợp đồng tín dụng 0116/2017/HĐTD-CN ngày 07/4/2017. Trong mối quan hệ vay nợ này phía bị đơn là người có lỗi, không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là trả vốn và lãi đúng định kỳ. Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn nên cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP PD, buộc ông Lê Văn D và bà Trần Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP PD số tiền vốn gốc còn nợ là 290.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[3] *Về lãi suất*: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 0116/2017/HĐTD-CN ngày 07/4/2017 giữa Ngân hàng TMCP PD và ông Lê Văn D và bà Trần Thị M lãi suất thỏa thuận là 13,8%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng Phương Đông ông Đỗ Duy K trình bày quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Văn D và bà Trần Thị M chỉ trả lãi đến ngày 16/01/2018 là 26.896.665 đồng, nay Ngân hàng yêu cầu Ông D, bà M trả tiền lãi phát sinh từ ngày 16/01/2018 cho đến ngày 07/6/2022 là 231.702.235 đồng, trong đó: Lãi trong hạn 10.543.220 đồng; Lãi quá hạn gốc 213.193.500 đồng; lãi phạt chậm trả 7.965.515 đồng; Tại các biên bản hòa giải Ông D trình bày ông chỉ trả lãi 01 lần là 11.600.000 đồng chứ không có trả 26.896.665 đồng. Căn cứ vào bản sao kê dư nợ hợp đồng của khách hàng Lê Văn D do ngân hàng cung cấp thì Ông D đã trả lãi đến ngày 16/01/2018 là 26.896.665 đồng. Do đó nên tính số lãi đã trả 26.896.665 đồng theo lời thừa nhận từ phía đại diện Ngân hàng (theo hướng có lợi cho Ông D). Số tiền lãi Ông D, bà M còn phải trả cho Ngân hàng theo hợp đồng cho đến ngày 7/6/2022 là 231.702.235 đồng theo cách tính của Ngân hàng là đúng với thỏa thuận trong hợp đồng và không trái với quy định pháp luật được quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cấp sơ thẩm buộc

Ông D , bà M có nghĩa vụ trả số tiền lãi là 231.702.235 đồng cho Ngân hàng, đồng thời tiếp tục tính lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 0116/2017/HĐTD-CN ngày 07/4/2017 đã ký cho đến khi Ông D , bà M thanh toán xong toàn bộ số nợ là đúng quy định pháp luật.

[4] Về hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng trên thì Ông D , bà M có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 0046/2016/BĐ ngày 17/3/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0116/2017/SĐBS-HĐBĐ ngày 07/4/2017 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 416m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 50,52 tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05598QSĐĐ/iG ngày 09/7/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp cho hộ ông Lê Văn D . Xét thấy đối với hợp đồng thế chấp đã ký giữa Ngân hàng TMCP PD và ông Lê Văn D và bà Trần Thị M đều hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội và đều có chữ ký của ông Lê Văn D và bà Trần Thị M , có đơn yêu cầu đăng ký thế chấp và đều có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, khi buộc ông Lê Văn D và bà Trần Thị M trả nợ cho Ngân hàng thì cần phải tiếp tục duy trì hợp đồng đã thế chấp để đảm bảo thi hành án là hoàn toàn phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông D cũng như luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông D không cung cấp chứng cứ mới để làm căn cứ xem xét nội dung kháng cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông D , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Ông D kháng cáo không chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các nội dung khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147, 184, 235, 244, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 466, 468, 470, 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

- Nghị quyết số:01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTPTANDTC Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn D

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2022/DS-ST, ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP PĐ. Buộc ông Lê Văn D , bà Trần Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP PĐ số tiền 521.702.235 đồng (Năm trăm hai mươi một triệu bảy trăm lẻ hai nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/6/2022) ông Lê Văn D , bà Trần Thị M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 0046/2016/BĐ ngày 17/3/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0116/2017/SĐBS-HĐBĐ ngày 07/4/2017 đã ký giữa Ngân hàng TMCP PĐ với ông Lê Văn D , bà Trần Thị M , tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 416m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 50,52 tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05598QSDĐ/iG ngày 09/7/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp cho hộ ông Lê Văn D để đảm bảo thi hành án.

Ngân hàng TMCP PĐ trả lại tài sản đã thế chấp cho ông Lê Văn D , bà Trần Thị M , khi Ông D , bà M trả xong nợ.

- Chi phí giám định:

Ông Lê Văn D , bà Trần Thị M phải chịu toàn bộ chi phí giám định, cụ thể như sau:

Chi phí giám định lần 01: 3.060.000 đồng (ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng). Ông Lê Văn D , bà Trần Thị M đã nộp xong.

Chi phí giám định lần 02: 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng); ông Lê Văn D , bà Trần Thị M đã nộp tạm ứng chi phí giám định 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Như vậy, ông Lê Văn D , bà Trần Thị M được nhận lại 6.900.000 đồng (sáu triệu chín trăm nghìn đồng) chi phí giám định còn lại tại Chi cục Thi hành án huyện Châu thành, tỉnh An Giang.

- Án phí sơ thẩm:

Ông Lê Văn D , bà Trần Thị M phải chịu 24.868.000 đồng (hai mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP PĐ được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.367.000 đồng (chín triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006618 ngày 13/12/2019 của chi cục thi hành án huyện Châu Thành.

- Án phí phúc thẩm: Ông D kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002635 ngày 12/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 07/6/2022, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án, cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- TAND.H.Châu Thành;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Keo

